

Phụ lục I
BẢNG PHÂN CÔNG MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHẮC PHỤC HẠN CHẾ
CHỈ SỐ DTI CỤ THỂ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1.	Tăng suất hệ thống truyền thanh cơ sở cấp huyện và cấp xã phát song chuyên mục riêng về chuyên đổi số chưa đạt 1 lần trên tuần (2.5đ/5đ)	Đài TT huyện, Đài TT các xã	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
2.	Tỷ lệ hộ gia đình có người có máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh còn thấp(54,55%, đạt 5,6đ/10đ)	Phòng VH-TT	UBND cấp xã	Thường xuyên
3.	Triển khai nền tảng số: Huyện triển khai 3/7 nền tảng đạt 2,14đ/5đ. <i>(Danh mục nền tảng số theo yêu cầu: 1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp huyện (LGSP). 2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung. 3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn cấp huyện phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của CQNN. 4) Nền tảng họp trực tuyến. 5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước. 6) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp. 7) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức).</i>	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Năm 2024
4.	Số lượng máy trạm cơ quan nhà nước cài đặt phòng chống mã độc kết nối về Trung tâm SOC tỉnh còn ít, (được 36%, đạt 3,6đ/10đ).	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện UBND cấp xã	Năm 2024

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.	Chưa bố trí kinh phí cho ATTT, đạt 0đ/15đ.	Phòng TC-KH	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Năm 2024
6.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình thấp, đạt 11,53% (3040/26359 hồ sơ), được 2,8đ/20đ.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
7.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp thanh toán trực tuyến hồ sơ DVCTT còn thấp, đạt 45,6% (14482/ 31719 hồ sơ), đạt 4,57đ/10đ.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
8.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC thấp, đạt 31% (9697/31150 hồ sơ), đạt 3,1đ/10đ.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
9.	Chưa triển khai cuộc họp không giấy, đạt 0/10đ.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
10.	Chưa triển khai cuộc họp trực tuyến đến cấp xã, đạt 0đ/ 10đ.	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
11.	Chưa có giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đạt 0đ/10đ.	Phòng NNPTNT	UBND cấp xã	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
12.	Chưa bố trí kinh phí cho kinh tế số, đạt 0đ/10đ. <i>(a = Tổng kinh phí đầu tư từ NSNN cho kinh tế số. b = Tổng chi NSNN trên địa bàn. - Tỷ lệ = a/b. - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 0.25\%$: Điểm tối đa + Tỷ lệ $< 0.25\%$: Điểm tối đa * tỷ lệ).</i>	Phòng TC-KH	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Năm 2024
13.	Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử, đạt 39,4% (40711/103360), đạt 3,9đ/10đ.	Công an huyện	Công an xã	Thường xuyên
14.	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, đạt 1,76% (925/52.675), đạt 0,36đ/10đ.	Phòng VH-TT	UBND cấp xã	Thường xuyên
15.	Chưa bố trí kinh phí đầu tư cho xã hội số, đạt 0đ/10đ.	Phòng TC-KH	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Năm 2024
16.	Bố trí kinh phí chi thường xuyên cho xã hội số còn thấp, đạt 0,01%, đạt 0,12đ/ 20đ.	Phòng TC-KH	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND cấp xã	Năm 2024